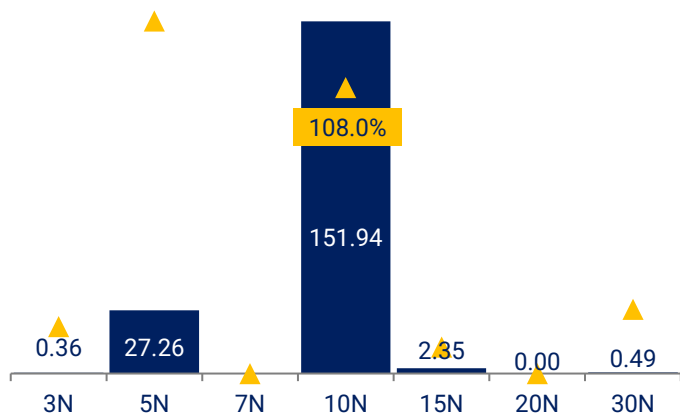
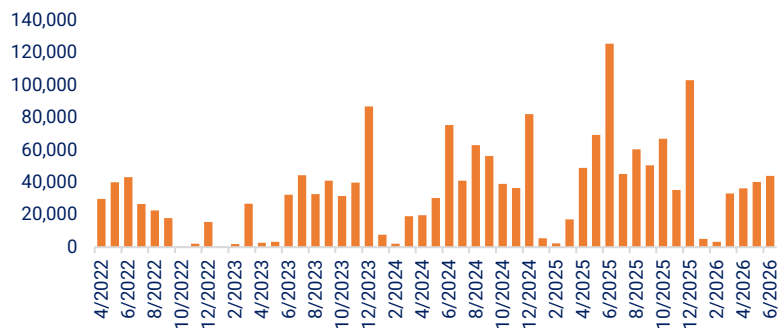


GTPH TPCP theo kỳ hạn

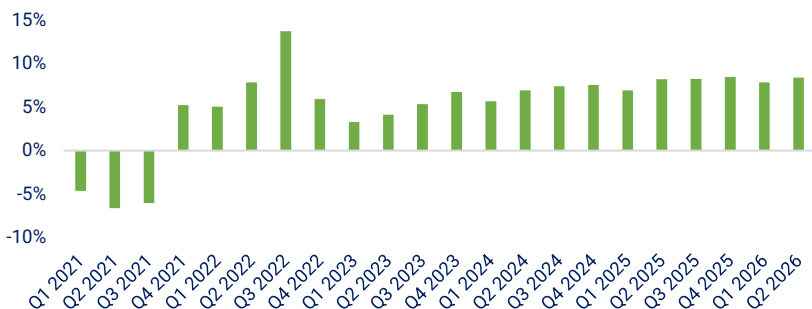
■ Phát hành (Nghìn tỷ VND) ▲ % thực hiện KH quý 2



Giá trị phát hành TPDN (tỷ VND)



Tăng trưởng GDP



THỊ TRƯỜNG SƠ CẤP TPCP

Trong tháng 6/2026, Kho bạc Nhà nước đã tổ chức 20 phiên đấu thầu trái phiếu Chính phủ với tổng giá trị gọi thầu (GTGT) là 68,000 tỷ đồng, tỷ lệ trúng thầu là 34.4%.

THỊ TRƯỜNG THỨ CẤP TPCP

Giá trị giao dịch thông thường (Outright) là 305,218 tỷ đồng (tăng 37.2% so với tháng trước) và giao dịch mua bán lại (Repo) là 76,881 tỷ đồng (tăng 7%). Lợi suất TPCP (theo phòng chào giá VBMA) tăng ở tất cả các kỳ hạn.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, tính đến ngày công bố thông tin 30/6/2026, có 39 đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ trị giá 40,376 tỷ đồng và 2 đợt phát hành ra công chúng trị giá 3,500 tỷ đồng trong tháng 6/2026.

Giá trị giao dịch TPDN riêng lẻ tại HNX đạt 168,576 tỷ đồng, bình quân mỗi phiên 7,662 tỷ đồng.

KINH TẾ VĨ MÔ

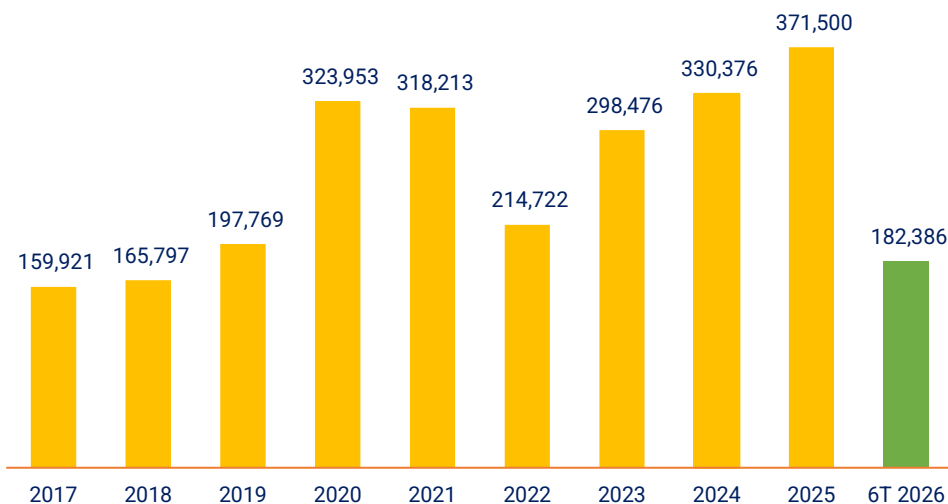
CPI tháng 6 tăng 4.69% so với cùng kỳ năm trước và giảm 0.39% so với tháng trước.

Tính đến cuối tháng 6 năm 2026, FDI đăng ký đạt 34.65 tỷ USD, tăng 61% so với cùng kỳ 2025, FDI giải ngân tăng 11.2% lên 13.03 tỷ USD. Giá trị giải ngân vốn đầu tư công từ đầu năm ước đạt 356,935 tỷ đồng, hoàn thành 35.5% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao cả năm (1,013,443.4 tỷ đồng).

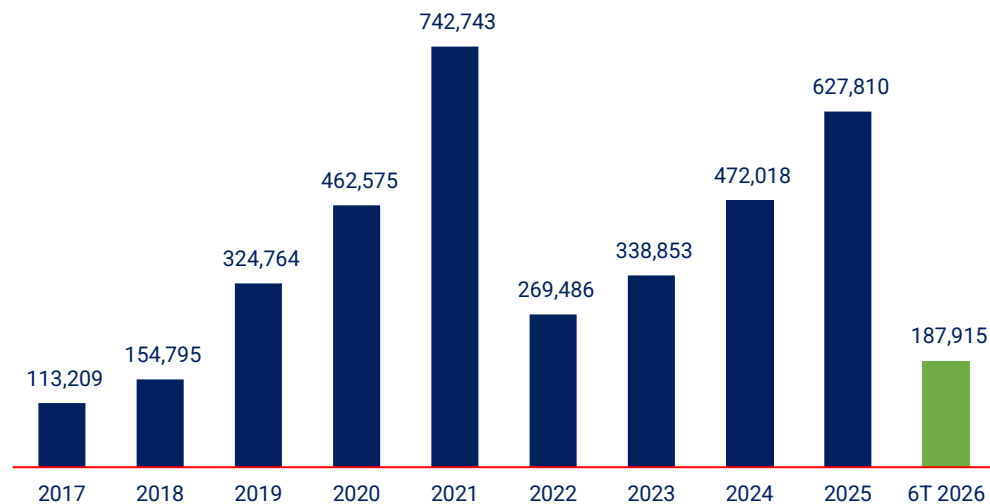
PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 6/2026 giảm từ 52.8 điểm lên 51.8 điểm.

Trong tháng 6, xuất khẩu hàng hoá ước đạt 50.79 tỷ USD, tăng 8.2% so với tháng trước; nhập khẩu ước đạt 53.43 tỷ USD, tăng 2.5% so với tháng trước. Cán cân thương mại tháng 6 nhập siêu 2.64 tỷ USD.

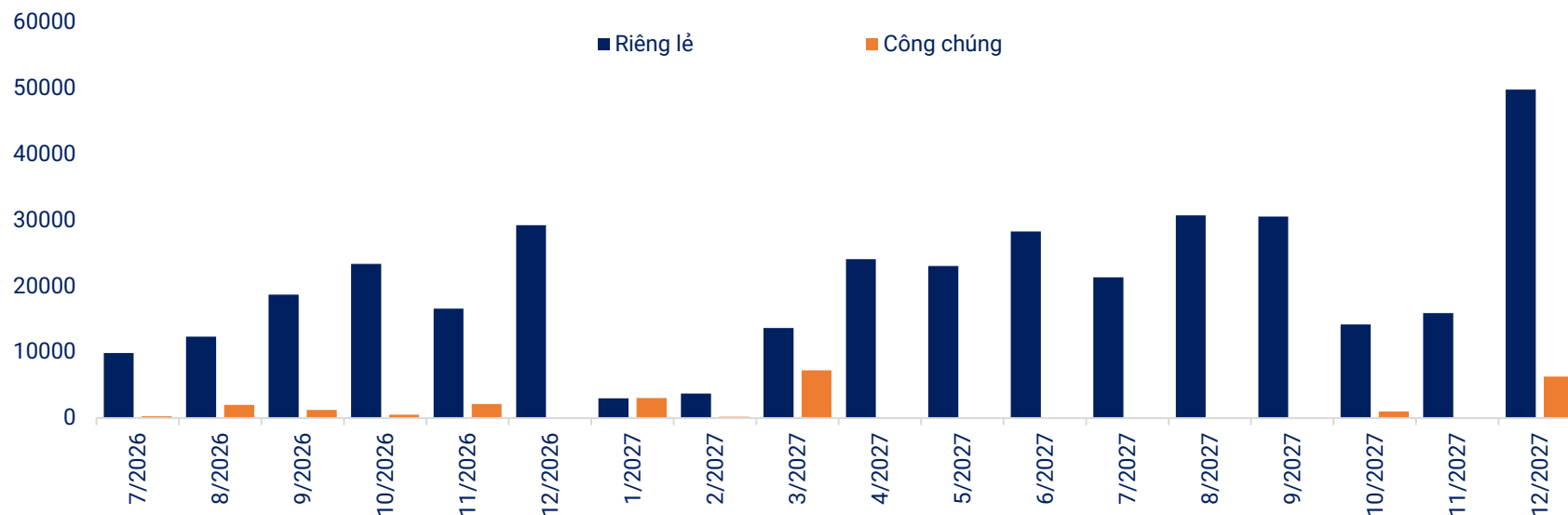
Giá trị phát hành trái phiếu Chính phủ (tỷ đồng)



Giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp (tỷ đồng)



Giá trị TPDN đáo hạn

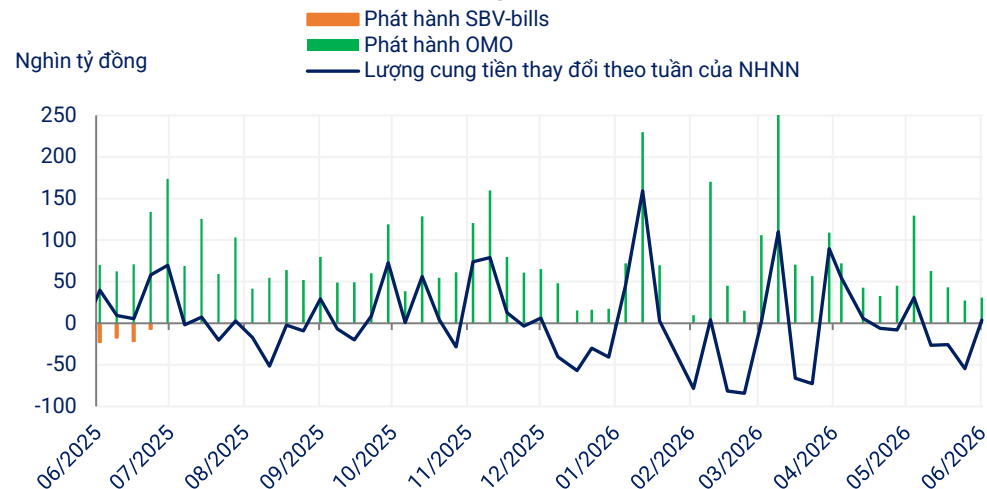


*Số liệu phát hành được tính đến hết ngày 30/06/2026 và có thể thay đổi theo việc công bố thông tin trên chuyên trang của HNX.

Lãi suất liên ngân hàng: Trong tháng 6/2026, lãi suất liên ngân hàng biến động khá mạnh, nhất là ở kỳ hạn qua đêm. Sau khi giảm sâu vào giữa tháng, lãi suất qua đêm bật tăng trở lại và kết thúc tháng ở mức 12.49%/năm, cao hơn đáng kể so với đầu tháng, trong khi lãi suất các kỳ hạn 1 tuần và 2 tuần lại giảm. Ở chiều ngược lại, lãi suất các kỳ hạn dài hơn như 1 tháng, 3 tháng và 9 tháng có xu hướng nhích tăng nhẹ, riêng kỳ hạn 6 tháng giảm nhẹ.

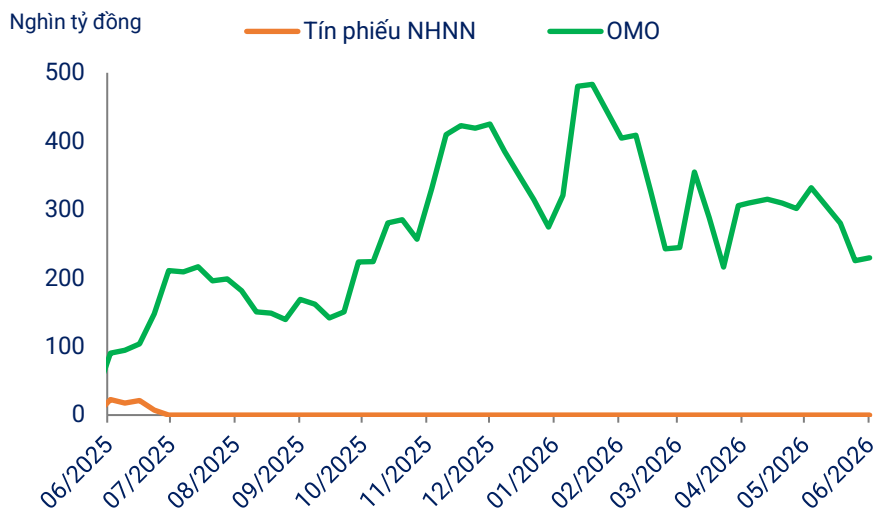
Nghiệp vụ thị trường mở: Trong tháng 6, NHNN tiếp tục không phát hành tín phiếu, tuy nhiên vẫn duy trì mua GTCG ở hầu hết các kỳ hạn trên kênh OMO xuyên suốt tháng với tổng giá trị là 214,022 tỷ đồng.

Đấu thầu tín phiếu NHNN và OMO



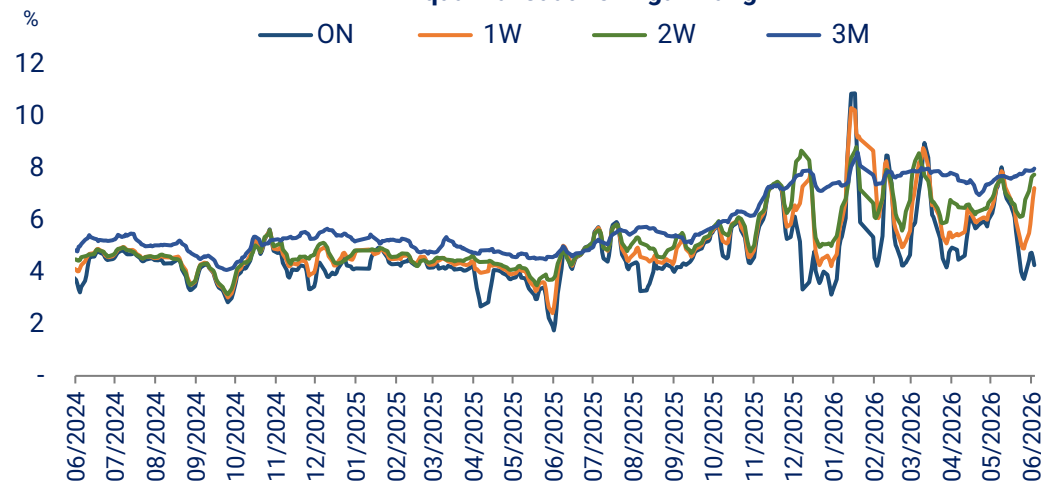
Nguồn: SBV, VBMA

Giá trị lưu hành của tín phiếu NHNN và OMO



Nguồn: SBV, VBMA

Bình quân lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: SBV, VBMA

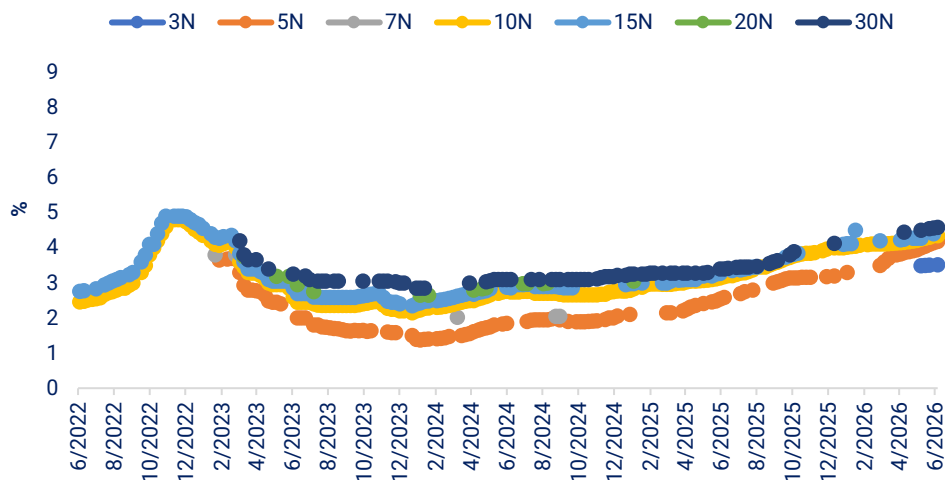
Trong tháng 6/2026, Kho bạc Nhà nước đã tổ chức 20 phiên đấu thầu trái phiếu Chính phủ với tổng giá trị gọi thầu (GTGT) là 68,000 tỷ đồng, tỷ lệ trúng thầu là 34.4%.

KBNN gọi thầu các kỳ hạn 3, 5, 10, 15, và 30 năm. Trong đó, kỳ hạn 5 năm chiếm 37.7% giá trị trúng thầu (GTTT), đạt 9,050 tỷ đồng. Kỳ hạn 10 năm trúng thầu 13,520 tỷ đồng (tỷ lệ trúng thầu/gọi thầu đạt 37.6%), kỳ hạn 3 năm trúng thầu 205 tỷ đồng (tỷ lệ 10%), kỳ hạn 15 năm trúng thầu 175 tỷ đồng (tỷ lệ 4.4%) và kỳ hạn 30 năm trúng thầu 425 tỷ đồng (tỷ lệ 21.3%).

Kỳ hạn phát hành bình quân tháng 6 là 8.4 năm. Lãi suất trúng thầu trung bình đạt 4.25%/năm, tăng so với mức 4.09% trong tháng 5/2026.

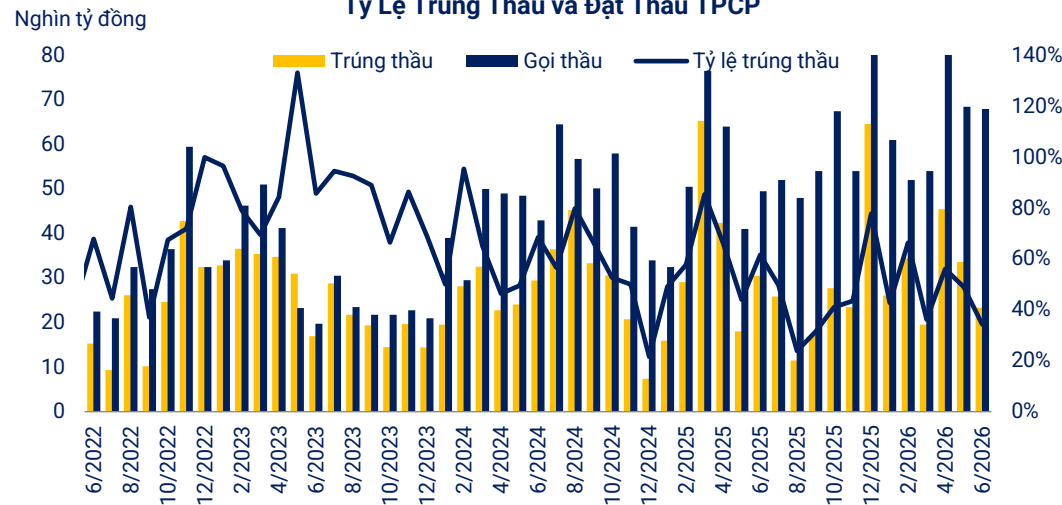
Tổng giá trị TPCP phát hành thông qua đấu thầu trong 6 tháng đầu năm 2026 là 182,561 tỷ đồng, đạt 36.5% kế hoạch cả năm (500,000 tỷ đồng). Trong đó, giá trị TPCP phát hành trong Quý II đạt 93% kế hoạch quý (110,000 tỷ đồng).

Diễn biến lãi suất trúng thầu



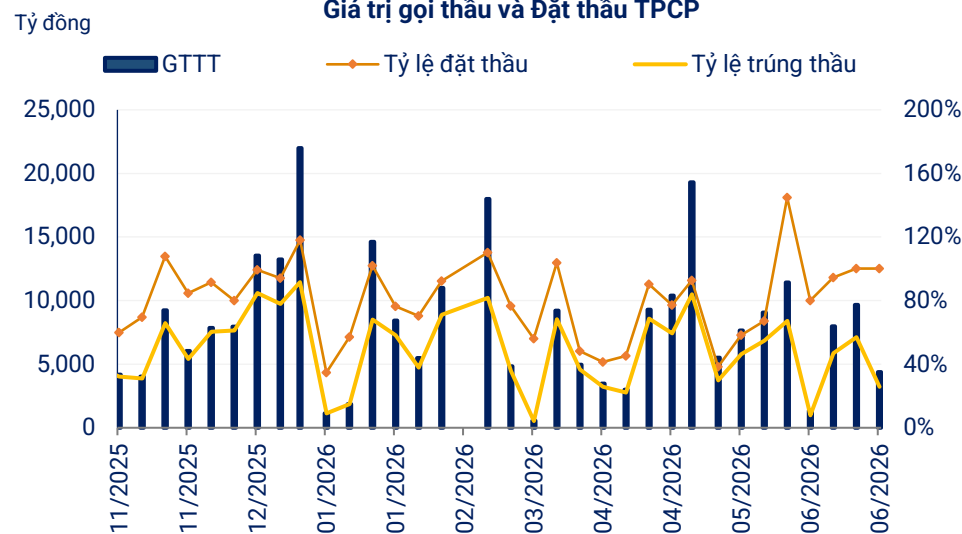
Nguồn: HNX, VBMA

Tỷ Lệ Trúng Thầu và Đặt Thầu TPCP



Nguồn: HNX, VBMA

Giá trị gọi thầu và Đặt thầu TPCP



Nguồn: HNX, VBMA

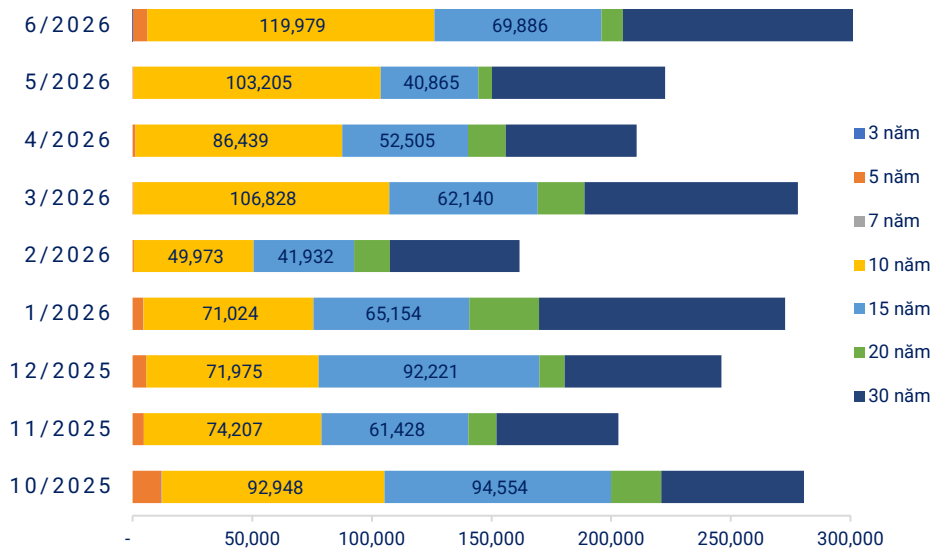
Giá trị giao dịch thông thường (Outright) là 305,218 tỷ đồng (tăng 37.2% so với tháng trước) và giao dịch mua bán lại (Repo) là 76,881 tỷ đồng (tăng 7%).

Thanh khoản trung bình/ngày của giao dịch Outright ở mức 13,874 tỷ đồng và của giao dịch Repo là 3,738 tỷ đồng, lần lượt tăng 37% và tăng 7.2% so với cùng kỳ năm trước.

Trái phiếu kỳ hạn 10 năm, 15 năm và 30 năm chiếm phần lớn giá trị giao dịch trên thị trường thứ cấp, lần lượt là 46%, 18% và 32% tổng số.

Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng 721 tỷ đồng TPCP trong tháng 6/2026, đưa lượng bán ròng của khối ngoại năm 2026 xuống 5,800 tỷ đồng.

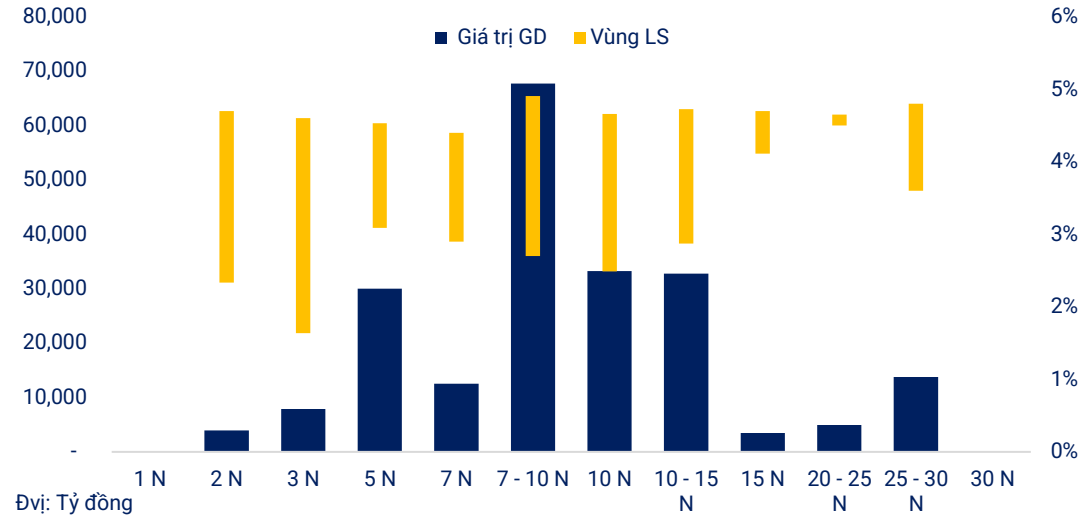
Giá trị giao dịch theo kỳ hạn



Đv: Tỷ đồng

Nguồn: HNX, VBMA

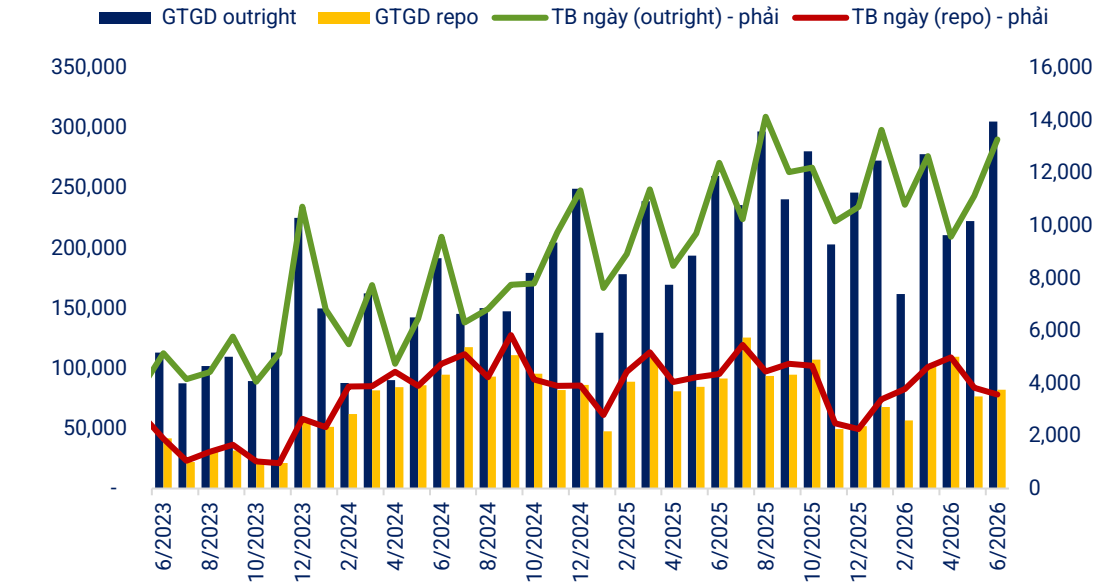
Giá trị và vùng lợi suất GD TPCP theo kỳ hạn còn lại trong tháng



Đv: Tỷ đồng

Diễn biến GD Outright và Repo theo tháng

Nguồn: HNX, VBMA



Đv: Tỷ đồng

Nguồn: HNX, VBMA

Lợi suất TPCP Việt Nam (theo phòng chào giá VBMA) tăng đồng loạt ở tất cả các kỳ hạn, với biên độ nói rộng dần về phía dài hạn.

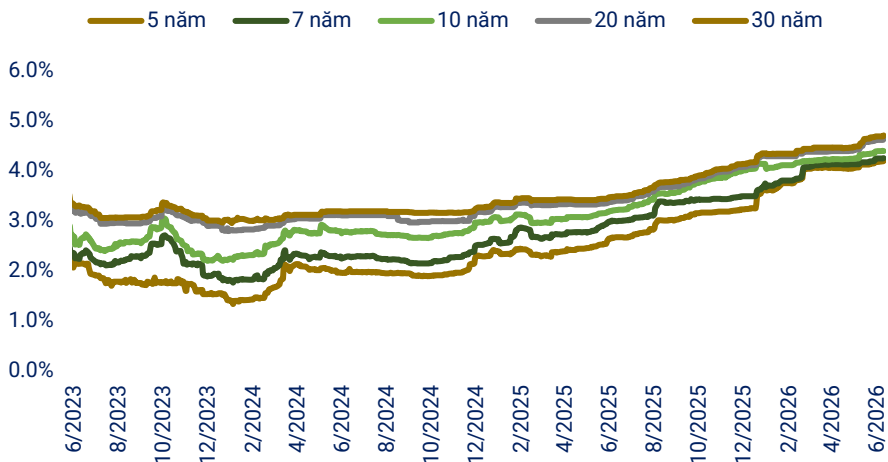
Lợi suất kỳ hạn 10 năm tăng 11 điểm cơ bản lên 4.362%/năm, trong khi các kỳ hạn dài trên 15 năm tăng mạnh hơn, từ 17 đến 19 điểm cơ bản. Đường cong tiếp tục dốc lên, với chênh lệch giữa kỳ hạn 30 năm và 2 năm nói rộng lên khoảng 121 điểm cơ bản.

Chỉ số DXY tăng khoảng 2.4% trong tháng 6/2026, từ khoảng 98.97 điểm đầu tháng lên 101.34 điểm vào cuối tháng.

Trong tháng 6, NHNN vẫn tiếp tục chính sách điều hành thông qua hoạt động trên thị trường mở khi vẫn ngừng phát hành tín phiếu nhưng mua giấy tờ có giá (GTCG) ở đa dạng các kỳ hạn từ 7 - 56 ngày.

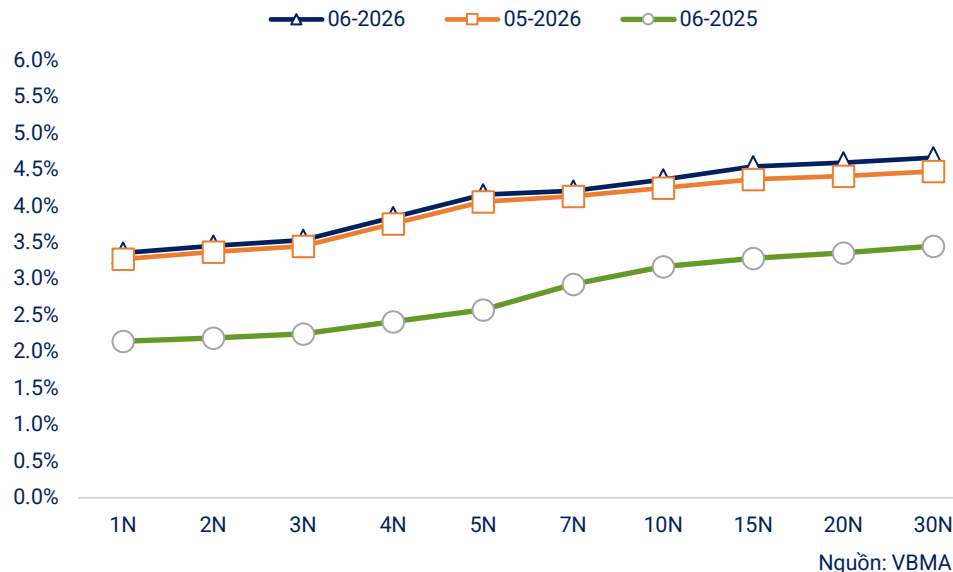
Chênh lệch lợi suất kỳ hạn Việt Nam - Mỹ nhìn chung thu hẹp trong tháng 6/2026. Ở kỳ hạn 5 năm và 7 năm, mức chênh lệch chuyển từ âm sang dương, đạt 0.05% và 0.01% vào cuối tháng. Kỳ hạn 20 năm và 30 năm giảm mạnh xuống còn -0.29% và -0.2 điểm cơ bản, trong khi kỳ hạn 1 năm là ngoại lệ duy nhất khi nói rộng thêm 4 điểm cơ bản, xuống -0.58%.

Diễn biến lợi suất TPCP - TT thứ cấp

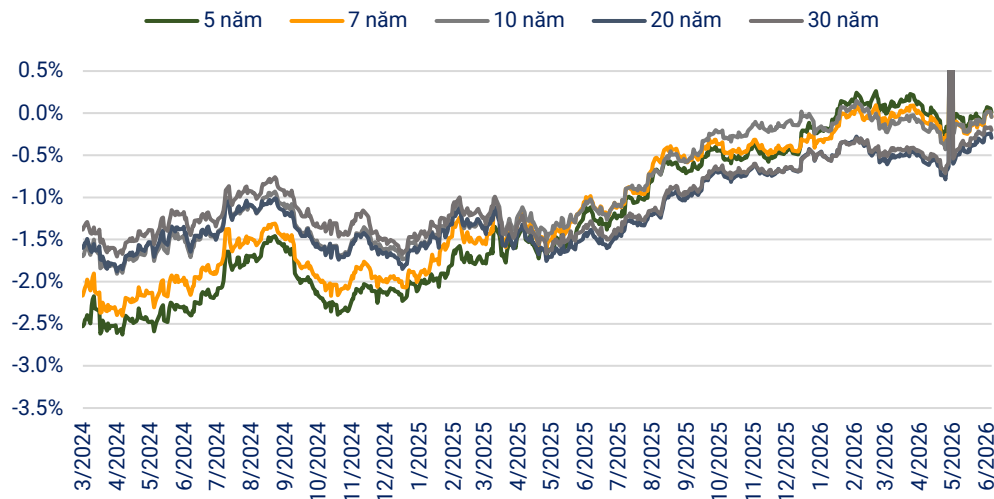


Nguồn: VBMA

Biến động lợi suất



Chênh lệch lợi suất Việt Nam - Mỹ



Nguồn: USDT, VBMA

Trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong năm 2026:

Theo dữ liệu do VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, tính đến ngày công bố thông tin 30/6/2026, trong tháng 6/2026 đã có 41 đợt phát hành trái phiếu với tổng giá trị 43.876 tỷ đồng. Trong đó, 39 đợt phát hành riêng lẻ đạt 40.376 tỷ đồng và 2 đợt phát hành ra công chúng đạt 3.500 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2026, giá trị phát hành riêng lẻ TPDN là 187,915 tỷ đồng và giá trị phát hành ra công chúng là 24,833 tỷ đồng.

Trong tháng 6, các doanh nghiệp đã mua lại 58,397 tỷ đồng trái phiếu trước hạn, giảm 8.3% so với cùng kỳ năm 2025. Trong 6 tháng còn lại của năm 2026, giá trị đáo hạn ước tính là 116,329 tỷ đồng. Về tình hình công bố thông tin bất thường, có 2 mã trái phiếu chậm trả lãi, gốc trị giá 3,000 tỷ gốc và 28.7 tỷ lãi trong tháng 5.

Trên thị trường thứ cấp, tổng giá trị giao dịch TPDN riêng lẻ trong tháng 6/2026 đạt 168,576 tỷ đồng, bình quân đạt 7,662 tỷ đồng/phiên, tăng 27% so với bình quân tháng 5/2026.

**Dữ liệu do VBMA tổng hợp được ghi nhận theo ngày phát hành trái phiếu và ngày thực hiện mua lại từ chuyên trang của HNX. Dữ liệu trên có thể được thay đổi theo việc công bố thông tin trên chuyên trang của HNX. Dữ liệu trong báo cáo được cập nhật đến hết ngày công bố thông tin 30/06/2026.*

Kế hoạch phát hành sắp tới

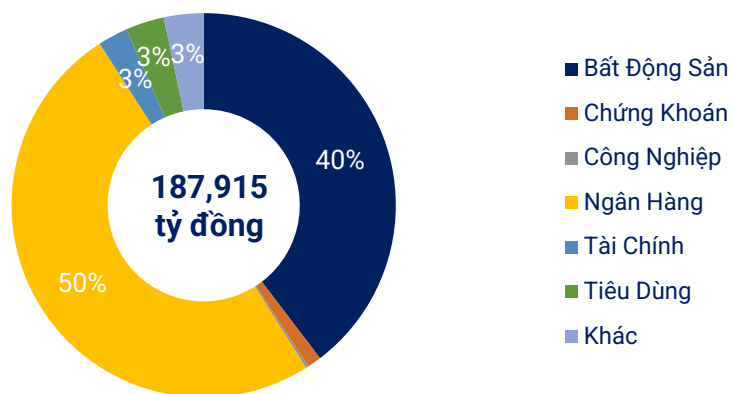
NHTMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)

HĐQT NHTMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank) đã thông qua phương án phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 riêng lẻ trong năm 2026 với tổng giá trị tối đa 2,000 tỷ đồng. Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không TSDB và mệnh giá dự kiến 100 triệu đồng/trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn 7 năm với mức lãi suất thả nổi.

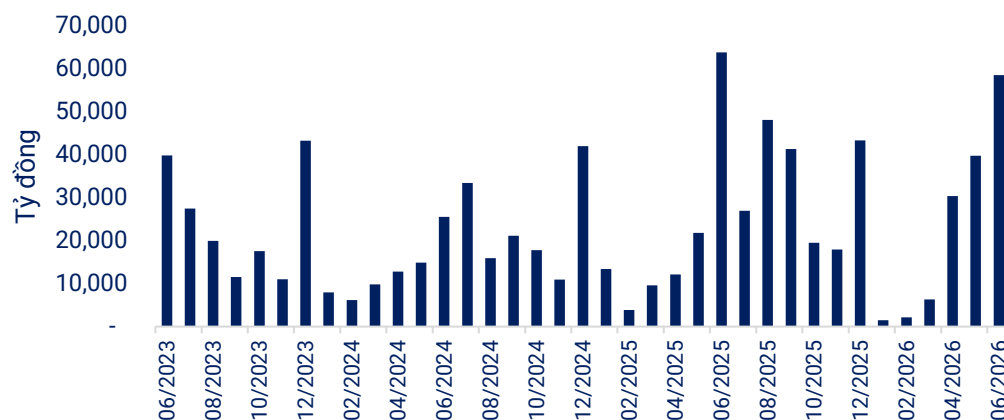
CTCP Vinhomes (VHM)

HĐQT CTCP Vinhomes đã thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ trong năm 2026 với tổng giá trị tối đa 3 nghìn tỷ đồng. Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có TSDB và mệnh giá dự kiến 100 triệu đồng/trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn 36 tháng với mức lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

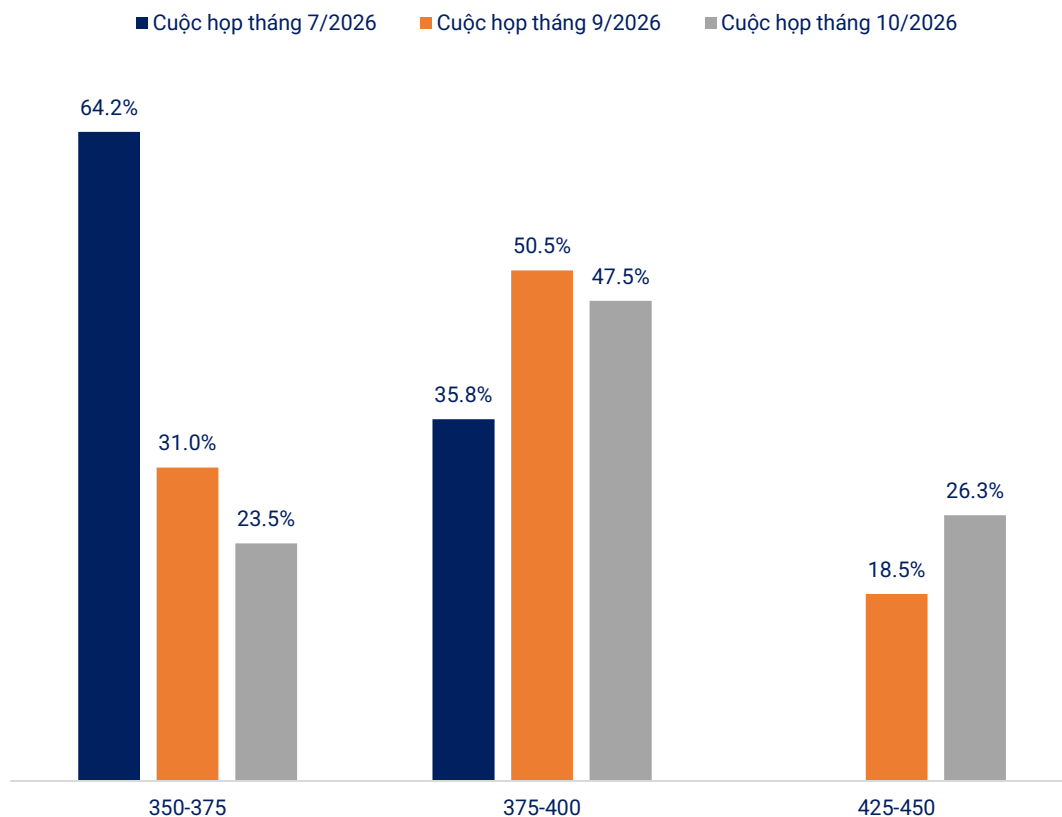
Giá trị phát hành theo nhóm ngành 2026



Giá trị mua lại TPDN



Kỳ vọng thị trường về lãi suất Fed



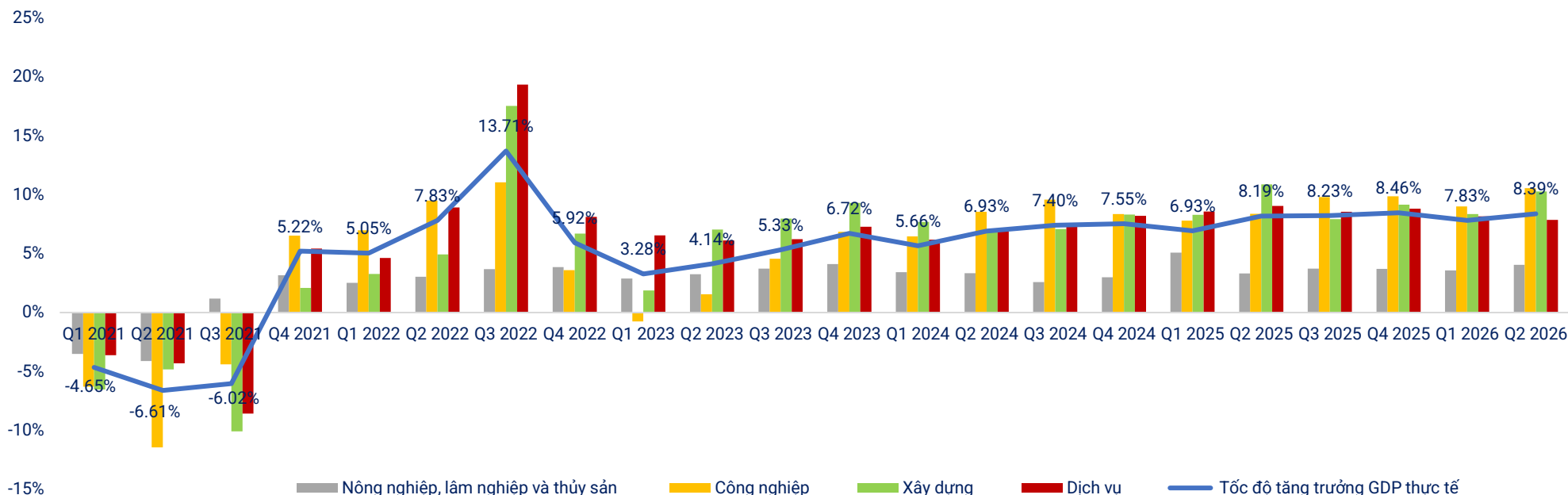
Nguồn: CME

Tại cuộc họp ngày 17/6, Fed giữ nguyên lãi suất mục tiêu ở mức 3.50–3.75% (lần thứ tư liên tiếp giữ nguyên, bỏ phiếu thuận tuyệt đối 12–0), trong bối cảnh kinh tế Mỹ tiếp tục mở rộng vững chắc nhưng lạm phát vẫn cao hơn mục tiêu 2% do các cú sốc nguồn cung, đặc biệt là giá năng lượng. Đây cũng là cuộc họp đầu tiên dưới sự điều hành của tân Chủ tịch Fed Kevin Warsh, người kế nhiệm ông Jerome Powell từ giữa tháng 5. Theo CME FedWatch, thị trường hiện định giá xác suất Fed giữ nguyên lãi suất tại cuộc họp tháng 7 khoảng 64.2%, trong khi xác suất tăng lãi suất tích lũy tại cuộc họp tháng 9 đã lên khoảng 69.0%.

Trái ngược với Fed, ECB tăng đồng loạt ba lãi suất điều hành thêm 25 điểm cơ bản tại cuộc họp ngày 11/6, đưa lãi suất tiền gửi lên 2.25%, đánh dấu lần tăng lãi suất đầu tiên kể từ năm 2023 trong bối cảnh lạm phát Eurozone lên 3.2% trong tháng 5. Cùng thời điểm, BOJ nâng lãi suất điều hành lên 1% và để ngỏ khả năng tiếp tục tăng khi lạm phát lõi tiến gần mục tiêu 2%.

Chỉ số DXY tăng khoảng 2.3% trong tháng, đóng cửa ở mức 101.3 vào cuối tháng 6, phản ánh kỳ vọng Fed thắt chặt chính sách và nhu cầu tài sản trú ẩn an toàn trong bối cảnh căng thẳng tại Trung Đông.

Tốc độ tăng trưởng GDP theo ngành

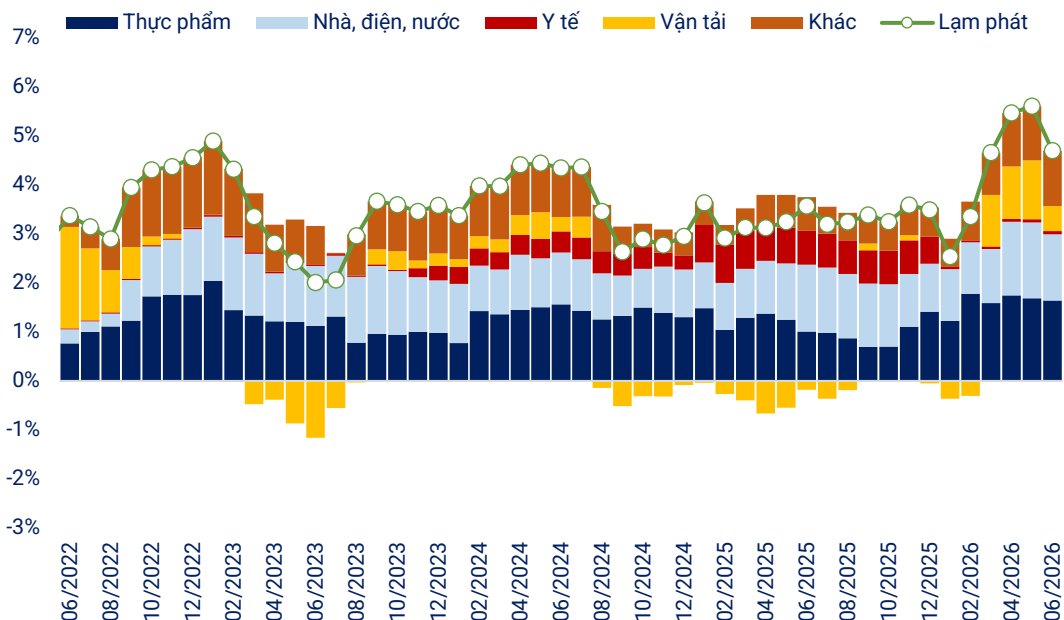


Nguồn: NSO

Theo Tổng cục Thống kê (GSO), GDP quý II/2026 ước tăng 8.39% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 7.83% của quý I/2026. Tính chung 6 tháng đầu năm 2026, GDP tăng 8.18% so với cùng kỳ năm 2025 (cùng kỳ năm 2025 tăng 7.63%).

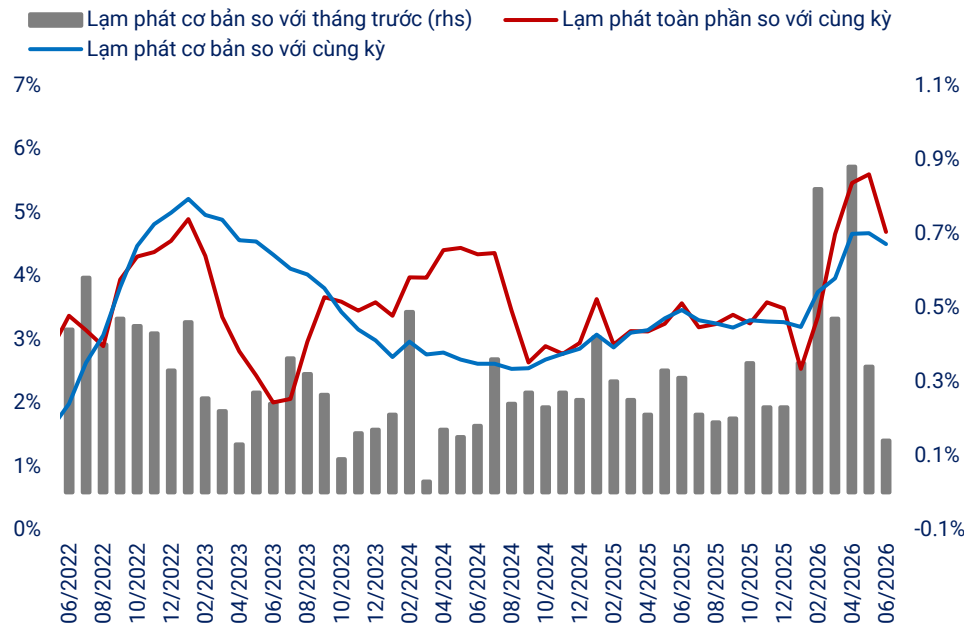
Nhìn từ phía cầu, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 20.18% là lực kéo chính, thúc đẩy khu vực chế biến, chế tạo mở rộng công suất với mức tăng 10.23%, ngành được GSO xác định là động lực tăng trưởng chủ yếu trong kỳ (đóng góp 33.07 điểm phần trăm). Đáng chú ý, nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu (26.44% so với 20.18%) chủ yếu phản ánh hành vi doanh nghiệp chủ động tích trữ nguyên liệu, linh kiện và máy móc phục vụ các chu kỳ sản xuất tiếp theo, với tích lũy tài sản lưu động tăng 173.21%, cho thấy kỳ vọng mở rộng sản xuất trong nửa cuối năm hơn là suy giảm năng lực cạnh tranh. Về phía tiêu dùng nội địa, chi tiêu hộ gia đình tăng 9.94% trong quý II, cao hơn chỉ số tiêu dùng cuối cùng tổng hợp (8.15%) do tiêu dùng Nhà nước giảm 10.42% vì cắt giảm chi thường xuyên để tập trung nguồn lực cho các dự án đầu tư trọng điểm.

Đóng góp vào lạm phát toàn phần



Nguồn: NSO

Lạm phát cơ bản và lạm phát toàn phần



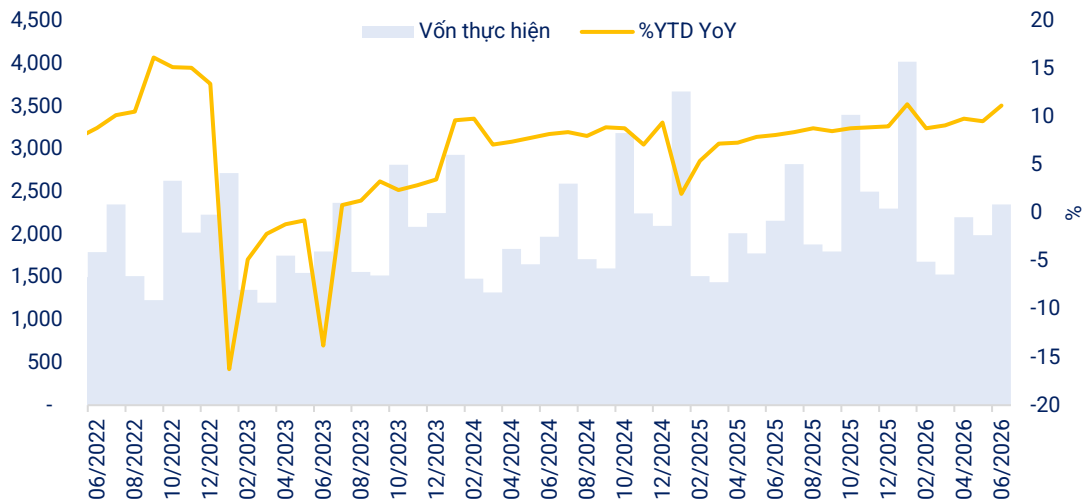
Nguồn: NSO

Theo GSO, CPI tháng 6/2026 giảm 0.39% so với tháng trước và tăng 4.69% so với cùng kỳ, nâng mức tăng bình quân 6 tháng đầu năm lên 4.38% so với cùng kỳ, vẫn trong phạm vi mục tiêu khoảng 4.5% của Chính phủ.

Mức giảm tháng 6 được dẫn dắt bởi giá xăng dầu hạ nhiệt theo thị trường thế giới (xăng giảm 10.05%, diesel giảm 10.63%), kéo nhóm giao thông giảm 4.85% và đưa CPI YoY từ 5.60% trong tháng 5 xuống còn 4.69%. Nhóm nhà ở, điện nước tăng 0.46% (trong đó điện sinh hoạt tăng 2.0% do nắng nóng) và nhóm văn hóa, giải trí, du lịch tăng 0.66% theo nhu cầu du lịch hè phần nào hãm đà giảm của CPI.

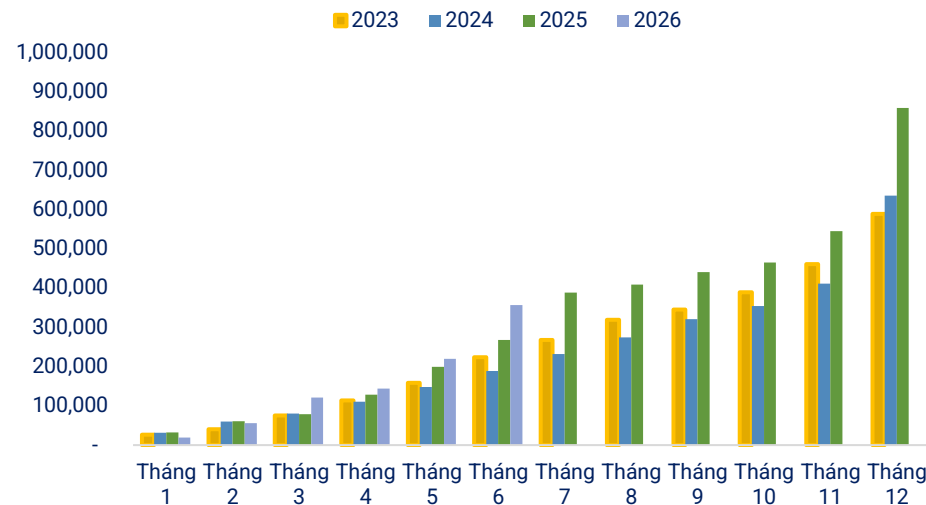
Lạm phát cơ bản bình quân 6 tháng đạt 4.12%, thấp hơn CPI chung (4.38%), cho thấy áp lực lạm phát hiện tại chủ yếu đến từ năng lượng và dịch vụ theo mùa hơn là cầu nội địa.

FDI giải ngân (triệu USD)



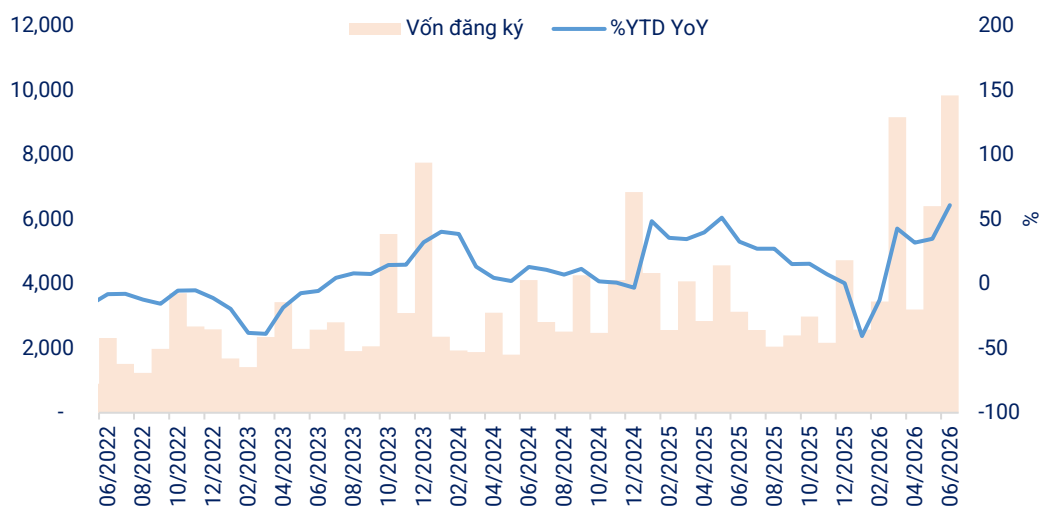
Nguồn: MOF

Giá trị giải ngân vốn đầu tư công lũy kế



Nguồn: MOF

FDI đăng ký (triệu USD)



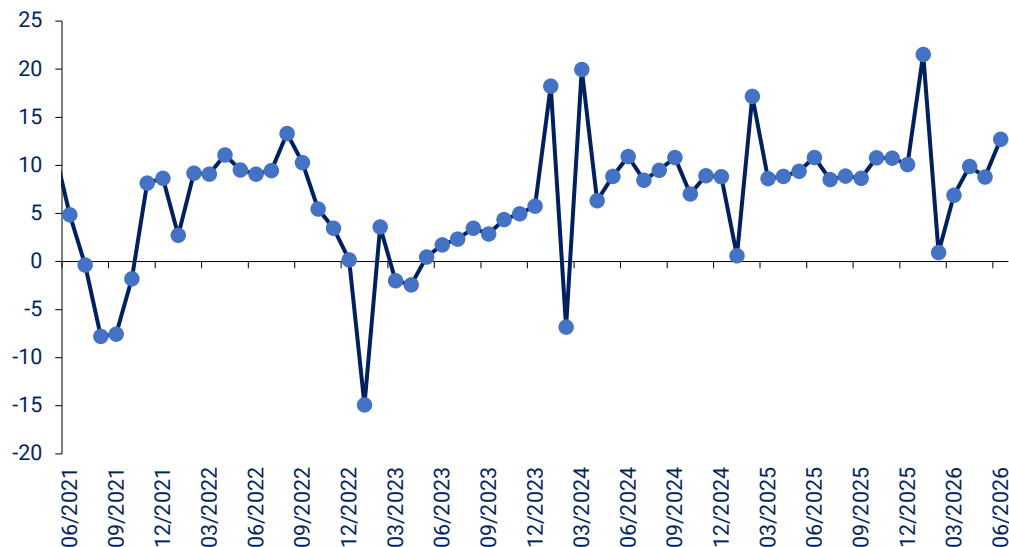
Nguồn: MOF

Tính đến cuối tháng 6 năm 2026, FDI đăng ký đạt 34.65 tỷ USD, tăng 61% so với cùng kỳ 2025, FDI giải ngân tăng 11.2% lên 13.03 tỷ USD.

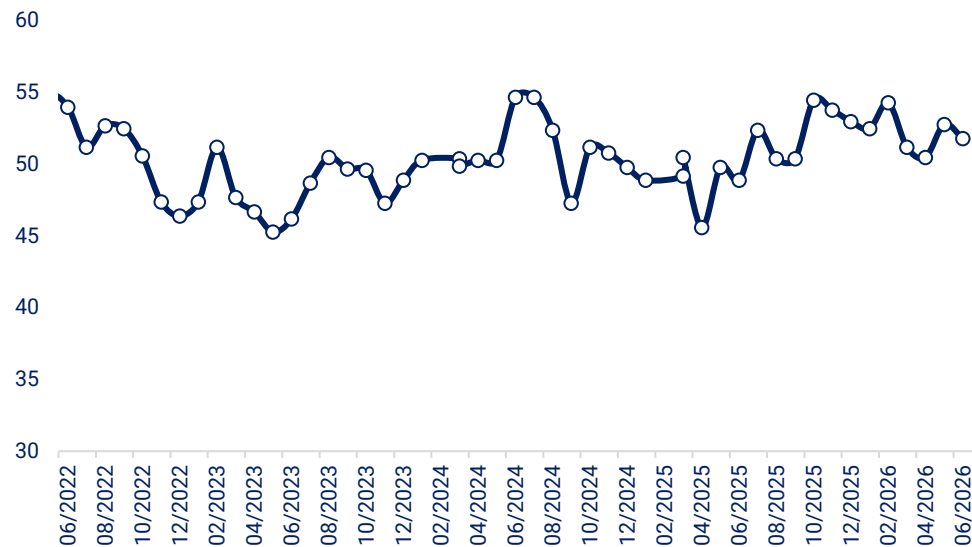
Trong tổng số vốn FDI thực hiện trong 6 tháng vừa rồi, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 10.76 tỷ USD (chiếm 82.6% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện); hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 965.2 triệu USD (chiếm 7.4%); sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 479.2 triệu USD (chiếm 3.7%).

Giá trị giải ngân vốn đầu tư công từ đầu năm ước đạt 356,935 tỷ đồng, hoàn thành 35.5% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao cả năm (1,013,443.4 tỷ đồng).

Tăng trưởng chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành (%)

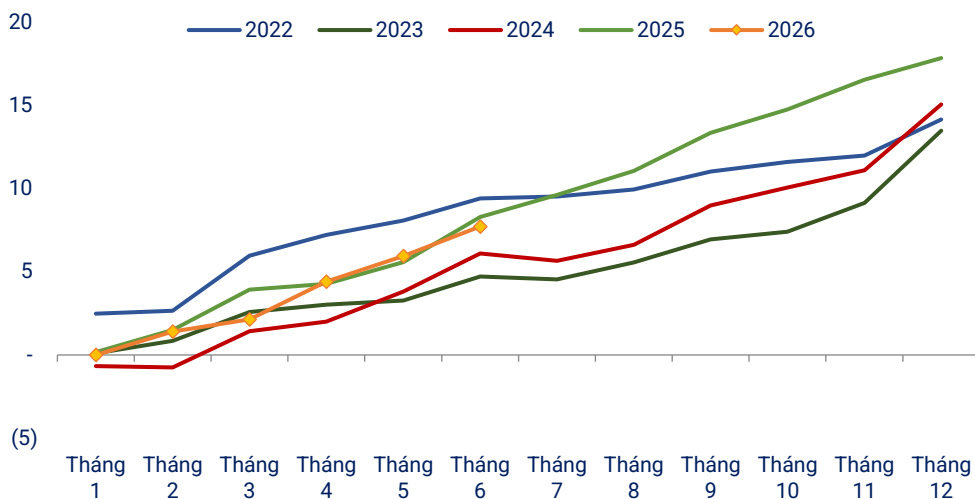


PMI sản xuất



Nguồn: NSO

Tăng trưởng tín dụng qua các năm



Nguồn: SBV, NSO

Nguồn: IHS Markit

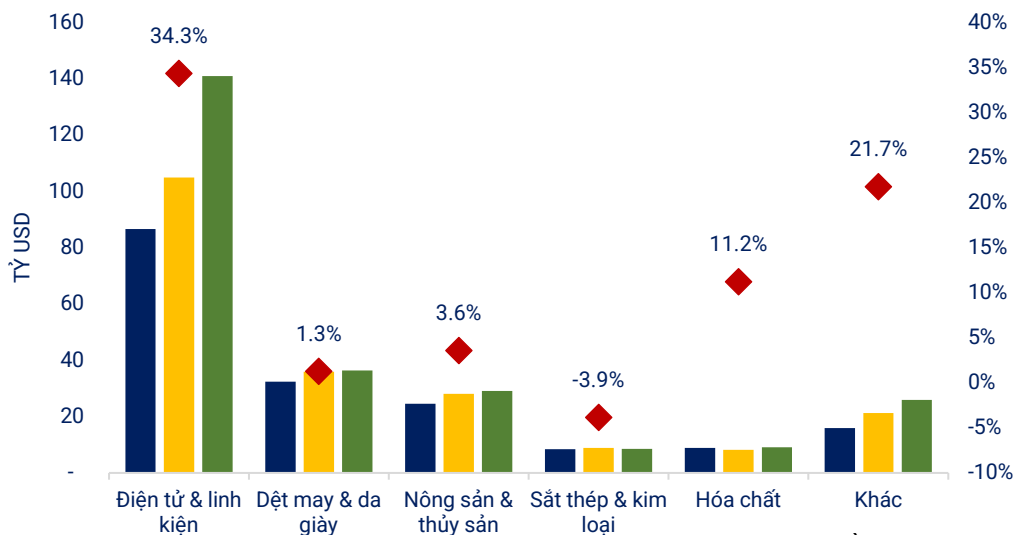
PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 6/2026 giảm nhẹ từ 52.8 điểm xuống 51.8 điểm, vẫn duy trì trên ngưỡng 50 điểm trong tháng thứ năm liên tiếp. Theo S&P Global, đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng và áp lực chi phí đầu vào giảm bớt là hai yếu tố hỗ trợ chính, trong khi tình trạng chậm trễ chuỗi cung ứng và năng lực sản xuất dư thừa khiến nhà quản trị vẫn thận trọng trong tuyển dụng. Đáng chú ý, niềm tin kinh doanh của nhà sản xuất tăng lên mức cao nhất bốn tháng, cho thấy kỳ vọng tích cực cho nửa cuối năm.

Sản xuất công nghiệp tháng 6 tăng 12.7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm, IIP tăng 10.8% so với cùng kỳ, trong đó chế biến, chế tạo tăng 11.4%, sản xuất và phân phối điện tăng 9.6% và cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8.9%

Tăng trưởng dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế tính đến cuối tháng 6 đạt 7.73%.

Kim ngạch xuất khẩu lũy kế

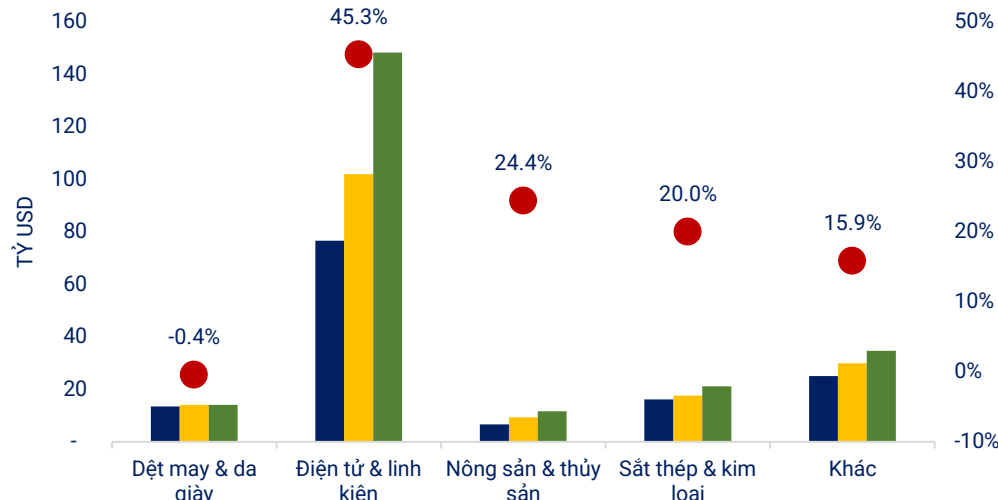
■ 2024 ■ 2025 ■ 2026 ◆ % 26/25



Nguồn: NSO

Kim ngạch nhập khẩu lũy kế

■ 2024 ■ 2025 ■ 2026 ◆ % 26/25



Nguồn: NSO

Trong tháng 6, xuất khẩu hàng hoá ước đạt 50.79 tỷ USD, tăng 8.2% so với tháng trước; nhập khẩu ước đạt 53.43 tỷ USD, tăng 2.5% so với tháng trước. Cán cân thương mại tháng 6 nhập siêu 2.64 tỷ USD.

Tính chung 6 tháng năm 2026, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 549.69 tỷ USD, tăng 27.1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 21% và nhập khẩu tăng 33.4%. Cán cân thương mại 6 tháng nhập siêu 16.65 tỷ USD. Về thị trường, Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch 6 tháng đạt 86.5 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất với kim ngạch 6 tháng đạt 115.2 tỷ USD.

6 tháng năm 2026	Giá trị (tỷ USD)	So với cùng kỳ
Tổng kim ngạch XNK	549.69	+27.1%
Xuất khẩu	266.52	+21%
Nhập khẩu	283.17	+33.4%
Cán cân thương mại	-16.65	

THỊ TRƯỜNG SƠ CẤP

Trái phiếu chính phủ	T6/2026	T5/2026	T6/2025	%MoM	%YoY	6T 2026	6T 2025	%YoY	% KH Năm
Kỳ hạn 3 năm	205	150	-	36.67%	-	18%	355	0	-
Kỳ hạn 5 năm	9,050	15,000	8,300	-39.67%	9.04%	133%	27,255	24,000	13.6%
Kỳ hạn 7 năm	0		0	-	-	0.00%	0	0	-
Kỳ hạn 10 năm	13,520	18,250	20,640	-25.92%	-34.50%	108%	151,941	167,811	-9.5%
Kỳ hạn 15 năm	175	200	1,410	-12.50%	-87.59%	10%	2,350	7,145	-67.1%
Kỳ hạn 20 năm	0		0	-	-	0%	0	500	-100.0%
Kỳ hạn 30 năm	425	30	123	1316.67%	245.53%	24%	485	1,934	-74.9%
Tổng TPCP	23,375	33,630	30,473	-30.49%	-23.29%	93%	182,386	201,390	-9.4%
Trái phiếu doanh nghiệp	T6/2026	T5/2026	T6/2025	%MoM	%YoY	6T 2026	6T 2025	%YoY	
Riêng lẻ	40,376	51,952	125,482	-22%	-68%		163,083	240,664	
Công chúng	3,500	4,999	0	-30%	-		24,833	27,904	
Tổng TPDN	43,876	56,951	125,482	-23%	-65%		187,915	268,568	

THỊ TRƯỜNG THỨ CẤP

Trái phiếu chính phủ	T6/2026	T5/2026	T6/2025	%MoM	%YoY	6T 2026	6T 2025	%YoY	
Outright	305,218	222,535	260,067	37.2%	17.4%	1,455,250	1,156,161	25.9%	
Repo	82,228	76,681	91,465	7.2%	-10.1%	492,733	501,959	-1.8%	
Tổng TPCP	305,218	222,535	260,067	37.2%	17.4%	1,455,250	1,156,161	25.9%	
Trái phiếu doanh nghiệp	T6/2026	T5/2026	T6/2025	%MoM	%YoY	6T 2026	6T 2025	%YoY	
	168,576	120,129	131,025	40.33%	28.7%	742,952	617,400	20.3%	

TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 6/2026

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	NGÀNH	GTPH (tỷ đồng)	MÃ TP	PHƯƠNG THỨC PH	NGÀY PHÁT HÀNH	LÃI SUẤT	KỲ HẠN (năm)
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	1000	BID12603	RIÊNG LẺ	01/06/2026	LSTC + 2,15%/NĂM; TRƯỜNG HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 3,82%/NĂM (TỪ KỲ THỨ 06)	8
NHTMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	400	VCB12601	RIÊNG LẺ	02/06/2026	7.9%/NĂM	10
CTCP PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN VĂN PHÚ	BẤT ĐỘNG SẢN	150	VPI12603	RIÊNG LẺ	02/06/2026	02 KỲ ĐẦU: 11,5%/NĂM CÁC KỲ SAU: BQLSTKCN 12T VNĐ (VCB, BIDV, CTG, AGRIBANK) + 4,5%/NĂM (TỐI THIỂU 10,5%/NĂM)	3
CTCP VINPEARL	TIÊU DÙNG	4907	VPL12601	RIÊNG LẺ	03/06/2026	04 KỲ ĐẦU: 12,0%/NĂM CÁC KỲ SAU: LSTC (MB) + 2,45%/NĂM (TỐI THIỂU 12,0%/NĂM)	5
CTCP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THÁI SƠN	BẤT ĐỘNG SẢN	2000	TSO12604	RIÊNG LẺ	03/06/2026	12.5%/NĂM	3
NHTMCP LỘC PHÁT VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	10	LPB12603	RIÊNG LẺ	03/06/2026	8.6%/NĂM	3
NHTMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	3000	TCB12609	RIÊNG LẺ	04/06/2026	8.4%/NĂM	3
NHTMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	1500	TCB12610	RIÊNG LẺ	04/06/2026	02 KỲ ĐẦU: 8,4%/NĂM CÁC KỲ SAU: LSTC + 1,22%/NĂM	2
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	250	BID12604	RIÊNG LẺ	04/06/2026	LSTC + 2,1%/NĂM; TRƯỜNG HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 7,1%/NĂM (TỪ KỲ THỨ 06)	6
CTCP TANDOLAND	BẤT ĐỘNG SẢN	300	TDR12601	RIÊNG LẺ	04/06/2026	02 KỲ ĐẦU: 12,0%/NĂM CÁC KỲ SAU: LSTKCN 12T VNĐ (OCB) + 5,1%/NĂM	5
NHTMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	3000	TCB12612	RIÊNG LẺ	05/06/2026	8.5%/NĂM	3
NHTMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	1500	TCB12611	RIÊNG LẺ	05/06/2026	02 KỲ ĐẦU: 8,4%/NĂM CÁC KỲ SAU: LSTC + 1,22%/NĂM	2

TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 6/2026

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	NGÀNH	GTPH (tỷ đồng)	MÃ TP	PHƯƠNG THỨC PH	NGÀY PHÁT HÀNH	LÃI SUẤT	KỲ HẠN (năm)
NHTMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	NGÂN HÀNG	450	HDB12603	RIÊNG LẺ	05/06/2026	LSTC + 2,70%/NĂM	8
NHTMCP QUÂN ĐỘI	NGÂN HÀNG	100	MBB12613	RIÊNG LẺ	05/06/2026	LSTC + 2,40%/NĂM; TRƯỜNG HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 4,00%/NĂM (TỪ KỲ THỨ 06)	10
NHTMCP QUÂN ĐỘI	NGÂN HÀNG	50	MBB12612	RIÊNG LẺ	05/06/2026	8.3%/NĂM	10
CT TÀI CHÍNH TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOME CREDIT VIỆT NAM	TÀI CHÍNH	350	HCV12603	RIÊNG LẺ	08/06/2026	9.5%/NĂM	2
NHTMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG	NGÂN HÀNG	1000	VPB12602	RIÊNG LẺ	08/06/2026	8.6%/NĂM	3
NHTMCP QUÂN ĐỘI	NGÂN HÀNG	150	MBB12614	RIÊNG LẺ	09/06/2026	8.4%/NĂM	10
NHTMCP LỘC PHÁT VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	100	LPB12604	RIÊNG LẺ	09/06/2026	8.6%/NĂM	3
NHTMCP Á CHÂU	NGÂN HÀNG	1000	ACB12602	RIÊNG LẺ	09/06/2026	8.3%/NĂM	2
NHTMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	NGÂN HÀNG	100	HDB12604	RIÊNG LẺ	09/06/2026	LSTC + 2,70%/NĂM	6
CTCP THÀNH THÀNH CÔNG - BIỂN HÒA	TIÊU DÙNG	1000	SBT426001	CÔNG CHỨNG	10/06/2026	9.5%/NĂM	2
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	150	BID12605	RIÊNG LẺ	12/06/2026	LSTC + 2,1%/NĂM; TRƯỜNG HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 7,1%/NĂM (TỪ KỲ THỨ 06)	6
NHTMCP LỘC PHÁT VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	1000	LPB12605	RIÊNG LẺ	15/06/2026	8.6%/NĂM	3
NHTMCP TIÊN PHONG	NGÂN HÀNG	200	TPB12601	RIÊNG LẺ	17/06/2026	BQLSTKCN 12T VNĐ (BIDV, VCB, CTG, AGRIBANK) + 3,1%/NĂM	10

TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 6/2026

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	NGÀNH	GTPH (tỷ đồng)	MÃ TP	PHƯƠNG THỨC PH	NGÀY PHÁT HÀNH	LÃI SUẤT	KỲ HẠN (năm)
NHTMCP PHƯƠNG ĐÔNG	NGÂN HÀNG	1000	OCB12606	RIỀNG LẺ	17/06/2026	8.7%/NĂM	3
NHTMCP QUÂN ĐỘI	NGÂN HÀNG	100	MBB12615	RIỀNG LẺ	18/06/2026	8.3%/NĂM	10
NHTMCP TIỀN PHONG	NGÂN HÀNG	320	TPB12602	RIỀNG LẺ	18/06/2026	BQLSTKCN 12T VNĐ (BIDV, VCB, CTG, AGRIBANK) + 3,4%/NĂM	10
CTCP TANDOLAND	BẤT ĐỘNG SẢN	345	TDR12602	RIỀNG LẺ	18/06/2026	02 KỲ ĐẦU: 12,0%/NĂM CÁC KỲ SAU: LSTKCN 12T VNĐ (OCB) + 5,1%/NĂM	5
CT TNHH GREENLAND PHỐ HOA	BẤT ĐỘNG SẢN	354	GPH12601	RIỀNG LẺ	18/06/2026	02 KỲ ĐẦU: 11,0%/NĂM CÁC KỲ SAU: LS CƠ SỞ 12T VNĐ DN (OCB) + 3,0%/NĂM	3
NHTMCP QUÂN ĐỘI	NGÂN HÀNG	200	MBB12616	RIỀNG LẺ	19/06/2026	8.3%/NĂM	10
CTCP VINHOMES	BẤT ĐỘNG SẢN	2000	VHM12610	RIỀNG LẺ	20/06/2026	02 KỲ ĐẦU: 12,5%/NĂM CÁC KỲ SAU: LSTC + 2,0%/NĂM (TỐI THIỂU 12,5%/NĂM)	3
CTCP VINHOMES	BẤT ĐỘNG SẢN	1000	VHM12609	RIỀNG LẺ	20/06/2026	02 KỲ ĐẦU: 12,5%/NĂM CÁC KỲ SAU: LSTC + 2,0%/NĂM (TỐI THIỂU 12,5%/NĂM)	3
CTCP VINHOMES	BẤT ĐỘNG SẢN	1000	VHM12608	RIỀNG LẺ	20/06/2026	02 KỲ ĐẦU: 12,5%/NĂM CÁC KỲ SAU: LSTC + 2,0%/NĂM (TỐI THIỂU 12,5%/NĂM)	3.2
CTCP VINHOMES	BẤT ĐỘNG SẢN	2000	VHM12607	RIỀNG LẺ	20/06/2026	02 KỲ ĐẦU: 12,5%/NĂM CÁC KỲ SAU: LSTC + 2,0%/NĂM (TỐI THIỂU 12,5%/NĂM)	3.2
NHTMCP PHƯƠNG ĐÔNG	NGÂN HÀNG	2000	OCB12607	RIỀNG LẺ	22/06/2026	8.0%/NĂM	2

TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 6/2026

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	NGÀNH	GTPH (tỷ đồng)	MÃ TP	PHƯƠNG THỨC PH	NGÀY PHÁT HÀNH	LÃI SUẤT	KỲ HẠN (năm)
CTCP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	XÂY DỰNG	2500	CII425002	CÔNG CHỨNG	25/06/2026	04 KỲ ĐẦU: 10,0%/NĂM CÁC KỲ SAU: LSTKCN 12T VNĐ (VCB) + 3,5%/NĂM	15
NHTMCP LỘC PHÁT VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	2990	LPB12602	RIỀNG LẺ	19/06/2026	BQLSTKCN 12T VNĐ (BIDV, VCB, CTG, AGRIBANK) + 2,6%/NĂM; TRƯỜNG HỢP KHÔNG MUA LẠI: + 3,6%/NĂM (TỪ NĂM THỨ 06)	7
CTCP CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH ENCAPITAL	LĨNH VỰC KHÁC	400	ECF32601	RIỀNG LẺ	25/06/2026	11,1%/NĂM	1
CTCP ĐÔ THỊ DU LỊCH CẦN GIỜ	BẤT ĐỘNG SẢN	2500	CGT12601	RIỀNG LẺ	24/06/2026	02 KỲ ĐẦU: 12,5%/NĂM CÁC KỲ SAU: LSTC + 5,5%/NĂM (TỐI THIỂU 12,5%/NĂM)	3
NHTMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG	NGÂN HÀNG	1500	VPB12603	RIỀNG LẺ	25/06/2026	8,7%/NĂM	3

10 MÃ TRÁI PHIẾU CÓ GTGD OUTRIGHT LỚN NHẤT TRONG THÁNG

STT	Tổ chức phát hành	Mã trái phiếu	GTGD (Tỷ đồng)	Kỳ hạn gốc (Năm)	Kỳ hạn còn lại (Năm)	Vùng lợi suất giao dịch (%/năm)
1	KBNN	TD1747410	22,831	30	20.68	4.5257 - 4.545
2	KBNN	TD2434026	22,467	10	8.22	3.0199 - 4.293
3	KBNN	TD1747409	20,781	30	20.51	4.31 - 4.3549
4	KBNN	TD2434024	16,343	10	8.03	2.6999 - 4.4001
5	KBNN	TD2237126	13,365	15	11.36	3.75 - 4.65
6	KBNN	TL1545363	12,721	30	19.47	3.9806 - 4.2139
7	KBNN	TD2636023	12,561	10	9.79	3.7941 - 4.35
8	KBNN	TD2338131	10,343	15	11.49	4.1794 - 4.7238
9	KBNN	TD2535023	8,998	10	8.64	3.0074 - 4.3614
10	KBNN	TD2131012	8,567	10	4.52	3.8999 - 4.1999

LỊCH THANH TOÁN TPCP THÁNG 7 - 2026

STT	Mã trái phiếu	Kỳ hạn (Năm)	Mệnh giá (tỷ)	Ngày phát hành	Ngày thanh toán	Lãi suất (%)	Tiền lãi thanh toán (tỷ)	Tiền gốc thanh toán (tỷ)	Tổng lãi và gốc (tỷ)
1	TD1727398	10	5,350	13/7/2017	13/7/2026	5.3	284	0	284
2	TD1732405	15	2,116	20/7/2017	20/7/2026	5.7	121	0	121
3	TD1737427	20	2,401	20/7/2017	20/7/2026	6.0	144	0	144
4	TD1747432	30	2,100	27/7/2017	27/7/2026	6.2	130	0	130
5	TD1828116	10	8,450	26/7/2018	26/7/2026	4.4	372	0	372
6	TD1929179	10	13,477	25/7/2019	25/7/2026	4.4	593	0	593
7	TD1934191	15	14,473	25/7/2019	25/7/2026	4.6	666	0	666
8	TD2030014	10	15,573	2/7/2020	2/7/2026	2.9	452	0	452
9	TD2030015	10	13,616	9/7/2020	9/7/2026	2.8	381	0	381
10	TD2030016	10	13,298	16/7/2020	16/7/2026	2.7	359	0	359
11	TD2035024	15	13,707	9/7/2020	9/7/2026	3.0	411	0	411
12	TD2126003	5	5,229	22/7/2021	22/7/2026	1.0	52	5229	5281
13	TD2131017	10	18,762	22/7/2021	22/7/2026	2.1	394	0	394
14	TD2232109	10	20,795	7/7/2022	7/7/2026	2.5	520	0	520
15	TD2333120	10	21,098	6/7/2023	6/7/2026	2.4	506	0	506
16	TD2434023	10	27,042	4/7/2024	4/7/2026	2.7	730	0	730
17	TD2434024	10	23,500	18/7/2024	18/7/2026	2.7	635	0	635
18	TD2444039	20	1,560	25/7/2024	25/7/2026	2.9	45	0	45
19	TD2530010	5	17,577	24/7/2025	24/7/2026	2.7	475	0	475
20	TL1535299	20	1,950	29/7/2015	29/7/2026	7.8	151	0	151



Vietnam Bond Market Association

Cám ơn quý vị đã đọc Báo cáo thị trường trái phiếu của VBMA. Nếu quý vị cần biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ:

HIỆP HỘI THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NAM

Tầng 17, Gelex Tower, Số 52 Phố Lê Đại Hành,
Hà Nội

Điện thoại: (84) 24 3974 8781

Fax: (84) 4 3974 8782

Website: <https://vbma.org.vn/>

QUYỀN MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Những thông tin và quan điểm được trình bày trong Báo cáo này là kết quả của hoạt động nghiên cứu của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA). VBMA không cam kết hay đảm bảo về tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này. VBMA không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất, thua lỗ nào phát sinh do sử dụng báo cáo này và các thông tin trong đó. Báo cáo này được thực hiện đơn thuần nhằm mục đích cung cấp thông tin và người xem không được phép sao chép, phân phối hay xuất bản vì bất cứ mục đích gì.